

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2024

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly
hôn, nuôi con chung”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ M Huyền

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng;

2. Bà Ché Thị Hồng Cẩm;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Việt, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang Tm gia phiên tòa:*** Ông Châu Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 254/2023/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 06/3/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích V, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 276, Khóm Tô Lợi, thị trấn Cô Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

Chỗ ở hiện nay: 208/43D Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Võ Bình M, sinh năm 1987; địa chỉ: Khóm Tô Lợi, thị trấn Cô Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3. Người làm chứng:

+ Bà Tống Thị N, sinh năm 1943; địa chỉ: Tổ 1, khóm Tô Lợi, thị trấn Cô Tô, huyện Tri Tôn tỉnh An Giang (vắng mặt);

+ Bà Kê Chanh T, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ 4, khóm Tô Lợi, thị trấn Cô Tô, huyện Tri Tôn tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án chị Lê Thị Bích V trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2000 chị và anh M quen biết nhau do qua mai mối, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đến năm 2005 thì đăng ký kết hôn số 65, ngày 04/7/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cô Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sống chung bên vợ tại địa chỉ khóm Tô Lợi, thị trấn Cô Tô huyện Tri Tôn tỉnh An Giang. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng từ năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống nên từ năm 2016 thì anh Phú đã bỏ nhà đi nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị V và anh M có ba con chung tên Võ M Thấu, sinh ngày 11/03/2004; Võ Tnh Sang, sinh ngày 28/01/2007 và Võ M Giàu, sinh ngày 24/12/2010. Hiện nay cháu Thấu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị V yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự cho bị đơn Anh Võ Bình M. Tuy nhiên, anh M vẫn không Tm gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Vợ chồng quen năm 2003 và mâu thuẫn chủ yếu là về kinh tế. Hiện tại chị đang đi làm thuê ở Cần Thơ nên có thu nhập ổn định.

Nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Hội đồng xét xử công bố kết quả xác M về tình trạng hôn nhân, nơi cư trú của ông Võ Bình M và biên bản lấy lời khai của bà Kê Chanh T, bà Tống Thị N và lời khai của cháu Sang và cháu Giàu.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97, Điều 227, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng quy định về xét xử phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của đương sự thì nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, chấp hành đúng quy định tại Điều 71. Tuy nhiên bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần hai nên không thực hiện Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người Tm gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Lê Thị Bích V khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Võ Bình M có địa chỉ hiện tại khóm Tô Lợi, thị trấn Cô Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên thuộc tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn và người làm chứng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Võ Bình M và người làm chứng bà Tổng Thị N và bà Kê Chanh T. Tuy nhiên bà N và bà T đã có lời khai cho Tòa án. Xét đây là lần vắng mặt thứ hai của ông M, bà N và bà T nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

Về hôn nhân: Vào năm 2003 chị V và anh M quen biết nhau qua mai mối, chị V và anh M có tổ chức lễ cưới, đến năm 2005 thì đăng ký kết hôn số 65, ngày 04/7/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cô Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo lời khai của chị V cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2015 nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc đến năm 2016 thì anh M bỏ nhà đi nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, nay tình cảm không còn chị V yêu cầu được ly hôn.

Biên bản xác M ngày 16 tháng 01 năm 2014 tại khóm Tô Lợi, thị trấn Cô Tô, huyện Tri Tôn địa phương cho biết: Anh M vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, hiện tại anh M đã đi làm nhưng thỉnh thoảng có về địa phương, về mâu thuẫn vợ chồng anh M thì địa phương không biết do vợ chồng anh M không có trình báo địa phương, chỉ biết chị V đã bỏ địa phương đi từ năm 2016 cho đến nay. Hiện mẹ vợ bà Kê Chanh T đã đang nuôi hai cháu Thấu và cháu Sang, còn cháu Giàu đang do bà V nuôi dưỡng.

Biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Kê Chanh T cho biết: Bà là mẹ của chị V, trước đây vợ chồng V sống hạnh phúc, nhưng khoảng năm 2015 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ở Bình Dương, còn mâu thuẫn gì thì bà không biết chỉ biết vợ chồng cự cãi với nhau, thỉnh thoảng chị V có về địa phương nên về hôn nhân thì bà không ý kiến, nhưng về các con của chị V thì nếu giao con cho bà thì bà nuôi nên bà không có ý kiến.

Biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Tổng Thị N cho biết: Bà là mẹ của anh M, vợ chồng chị V khi đi làm ở Bình Dương có mâu thuẫn cự cãi với nhau nhưng về vấn đề gì thì bà không rõ, chỉ biết chị V bỏ đi khoảng năm 2016 nên không còn sống chung với anh M. Hiện tại anh M đã đi làm Bình Dương, thỉnh thoảng có về quê, hàng tháng có gửi tiền về nuôi con tiếp mẹ vợ, nên các con hiện ở với bà Ngoại.

Xét thấy, lời khai tại phiên tòa, các biên bản lời khai và các biên bản xác M, phù hợp với nhau về việc vợ chồng có mâu thuẫn kể từ năm 2015 đến năm 2016 thì vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Cho thấy, thời gian vợ chồng ly thân đã quá lâu nhưng cả hai cũng không thể hàn gắn lại tình cảm đều đó chứng tỏ hai bên không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc.

Cho nên, tình trạng hôn nhân vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị V và anh M có ba người con chung tên Võ M Thấu, sinh ngày 11/03/2004; Võ Tnh Sang, sinh ngày 28/01/2007 và Võ M Giàu, sinh ngày 24/12/2010. Hiện nay cháu Thấu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị V yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

Nhận thấy, hiện cháu Thấu đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Riêng đối với cháu Sang hiện đang do bà Kê chăm sóc, còn cháu Giàu đang sống với chị V và chị V cũng có đi làm nên có thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi dạy, chăm sóc. Đồng thời tại bản tự khai thì hai cháu Sang và cháu Giàu đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Từ đó để đảm bảo cho môi trường sống cháu Sang và cháu Giàu được ổn định thì giao cháu Sang và cháu Giàu cho chị V tiếp tục nuôi dạy là phù hợp, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị V không yêu cầu phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét chấp nhận.

Căn cứ Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định Ty đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị V khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch.

Anh M không phải chịu án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị Lê Thị Bích V.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích V được ly hôn với anh Võ Bình M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 65, ngày 04/7/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cô Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Cháu Võ M Thấu đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Chị Lê Thị Bích V được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Võ Tnh Sang, sinh ngày 28/01/2007 và Võ M Giàu, sinh ngày 24/12/2010. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị V không yêu cầu.

Sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định Ty đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Chị Lê Thị Bích V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010282 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Anh M không phải chịu án phí hôn nhân

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- T.DS huyện Tri Tôn;
- TAND Tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ M Huyền